

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2023/DS-PT

Ngày 19-4-2023

V/v “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 507/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 126/2022/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2023/QĐPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Phạm Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ 5, ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: ông Phạm Văn M, sinh năm 1965; địa chỉ: tổ 6, ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp Bàu Xiêm, xã Tân T5, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố Bàu M1, phường An T6, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1966; địa chỉ: 87A, đường số 10, khu phố 4, phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bà Trần Thị G, sinh năm 1970; cùng địa chỉ nguyên đơn; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Trần Thị M1, sinh năm 1964; cùng địa chỉ bị đơn; có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bà Phạm Thị Đ1, sinh năm 1942; địa chỉ: ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1957; địa chỉ: ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Lâm Kim N3, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm B1, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Lâm Văn V, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm B1, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Lâm Hùng V1, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm B1, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Phạm Thị B3, sinh năm 1952; địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phạm Văn Đ2, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp Sa Nhỏ, xã Trung Lập Thượng, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Phạm Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Phạm Văn G, chết năm 2002 và cụ Lê Thị Đ chết năm 2013. Cha mẹ ông có 12 người con: Phạm Thị Đ1, Phạm Thị Đ3 (đã chết, có chồng là Phạm Văn U – đã chết, có con là Lâm Văn Vũ, Lâm Kim Nguyên và Lâm Hùng Vương), Phạm Thị Tài (đã chết, có chồng là Nguyễn Văn Hiệp – đã chết, có con là Nguyễn Thị Nhan), Phạm Văn Tòng (đã chết, không vợ con), Phạm Thị Bận, Phạm Thị Sấm, Phạm Thị Cắt (đã chết, không chồng con), Phạm Văn Tránh, Phạm Văn Đàng, Phạm Văn Minh, Phạm Thị Nguyệt và ông.

Năm 1992, cha mẹ ông đã hợp mặt và đã chia đất tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh cho tất cả các con, phần ai được chia cũng đã kê khai, đăng ký và đều đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ). Phần đất gồm các thửa 3162, 3161, 3160, 3159, tờ bản đồ 01 (BĐ 299), tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh, nay là thửa 502 và thửa 511, tờ bản đồ 52 (BĐ 2005), tổng diện tích đo đạc thực tế là 5.003,7m², loại đất: đất trồng lúa (LUC), ông và bà N1 được cha mẹ chia chung nhưng do bà N1 không sử dụng nên cho lại ông. Ông đã kê khai đăng ký và đã được UBND thị xã B cấp GCNQSDĐ số 02727/QSDĐ/I2 ngày 26/12/1994. Đến năm 2004, do hoàn cảnh kinh tế ông Phạm Văn M gặp khó khăn nên ông cho ông M tạm thời canh tác phần đất này để nuôi con, có thỏa thuận miệng khi nào kinh tế ông M được cải thiện sẽ giao trả lại quyền sử dụng đất cho ông. Khoảng năm 2009-2010, có phong trào trồng cao su, các hộ dân xung quanh

đều trồng cao su nên không thể canh tác lúa được vì vậy ông cũng đồng ý cho ông M trồng cao su trên các thửa đất.

Nay ông yêu cầu ông M di dời cao su trên đất, trả lại cho ông phần đất 5.003,7m² tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; trường hợp ông M không đồng ý di dời cây cao su thì ông đồng ý thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông M.

Bị đơn Phạm Văn Minh trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của ông T về họ tên cha mẹ, năm chết của cha mẹ và thông tin về số anh chị em là đúng. Vào năm 1992, cha mẹ ông có phân chia đất cho các con như lời trình bày của ông T, các anh chị em đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong.

Năm 2000, mẹ ông lấy bán một phần đất đã chia cho ông để lấy tiền cho bà N1 trị bệnh vì phần đất chia cho bà N1 không bán được; và mẹ ông giao lại cho ông phần đất đã chia cho bà N1 trước đây thửa 502 hiện ông T đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Việc giao lại không có văn bản, chỉ có cha mẹ và các anh chị em trong gia đình biết. Đồng thời trong tông chi có chia cho ông thêm thửa 511 để làm đất hương hỏa, thờ cúng ông bà. Ông đã sử dụng 02 thửa đất này từ năm 2000 và hiện nay ông và vợ ông đã trồng cao su và đang khai thác mủ. Ông có kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo bản đồ lưới năm 2005 nhưng do ông T đã kê khai đăng ký nên ông không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông T và đồng thời yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 5.003,7m², gồm các thửa 3162, 3161, 3160, 3159, tờ bản đồ 01 (BĐ 299), nay là thửa 502 và thửa 511, tờ bản đồ 52 (BĐ 2005) tọa lạc tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N1 thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* khi còn sống cha mẹ bà đã chia đất cho các con xong. Diện tích đất ông T và ông M có nguồn gốc là của cha mẹ bà chia cho ông T và bà nhưng bà không sử dụng nên giao toàn bộ cho ông T sử dụng và đăng ký quyền sử dụng đất. Nay bà không tranh chấp diện tích đất đã giao cho ông T sử dụng và không tranh chấp tài sản thừa kế của cha mẹ chết để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* Bà là con của bà Phạm Thị Tài và là cháu của ông T và ông M. Bà xác định khi còn sống thì ông bà ngoại của bà đã phân chia đất cho các con xong. Phần đất tranh chấp ông bà ngoại của bà đã phân chia cho ông T và bà N1 nhưng hiện nay ông M đang trồng cao su. Nay bà không tranh chấp tài sản thừa kế của ông bà ngoại bà chết để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T1 thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* Khi còn sống cha mẹ ông đã chia đất cho các con xong. Riêng 02 thửa đất ông T và ông M tranh chấp thì cha mẹ chưa chia, có một thửa cha mẹ ông định bán để trị bệnh cho bà N1 nhưng bán không được nên đổi với ông M và cha mẹ có giao cho ông M thêm một thửa đất nữa để thờ cúng ông bà. Nay ông không tranh chấp tài sản thừa kế của cha mẹ chết để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* Diện tích đất ông T và ông M tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ bà, khi còn sống cha mẹ bà đã chia cho ông T thửa 502, chia cho ông M thửa 511 (giáp suối) để làm hương hỏa, thờ cúng ông bà. Hai thửa đất trên không còn là tài sản của cha mẹ bà chết để lại. Bà không tranh chấp và không yêu cầu chia tài sản thừa kế của cha mẹ bà trong vụ án ông T tranh chấp đòi quyền sử dụng đất với ông M.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Kim N3, ông Lâm Văn V, ông Lâm Hùng V1 thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* Các ông bà là con của bà Phạm Thị Đa. Năm 1992, ông bà ngoại của các ông bà đã chia đất cho các con xong, phần đất ông T tranh chấp với ông M có nguồn gốc là do ông bà ngoại của các ông bà chia cho ông T và bà N1 nhưng do bà N1 không sử dụng nên giao cho ông T sử dụng toàn bộ. Khoảng năm 2005, ông T cho ông M mượn diện tích đất trên để canh tác đến nay xảy ra tranh chấp. Nay các ông bà không tranh chấp tài sản thừa kế của ông bà ngoại chết để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B3 thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* Diện tích đất ông T và ông M tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ bà, khi còn sống cha mẹ bà đã chia cho bà N1 một thửa, chia cho ông M một thửa để làm hương hỏa, thờ cúng ông bà. Hai thửa đất trên không còn là tài sản của cha mẹ bà chết để lại. Bà không tranh chấp và không yêu cầu chia tài sản thừa kế của cha mẹ bà trong vụ án ông T tranh chấp đòi quyền sử dụng đất với ông M.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ1 thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* Diện tích đất ông T và ông M tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ bà, khi còn sống cha mẹ bà đã chia cho bà N1 một thửa, chia cho ông M một thửa để làm hương hỏa, thờ cúng ông bà. Bà không tranh chấp và không yêu cầu chia tài sản thừa kế của cha mẹ bà trong vụ án ông T tranh chấp đòi quyền sử dụng đất với ông M.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ2 thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* khi còn sống cha mẹ ông đã chia đất cho các con xong vào năm 1992. Diện tích đất ông T và ông M tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ ông chia cho ông T và bà N1 nhưng bà N1 không sử dụng nên giao toàn bộ cho ông T sử dụng và đăng ký quyền sử dụng đất. Đến năm 2005, ông T cho ông M mượn để canh tác nhưng sau đó ông M không trả đất lại cho ông T. Nay trong vụ án ông T và ông M tranh chấp với nhau, ông không tranh chấp tài sản thừa kế của cha mẹ chết để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị G thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* bà là vợ của ông Phạm Văn T. Diện tích đất ông T tranh chấp với ông M có nguồn gốc là của cha mẹ ông T chia cho ông T. Bà không có ý kiến.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M1 thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ:* bà là vợ của ông Phạm Văn M, bà cùng với ông M có sử dụng diện tích đất hiện nay ông T tranh chấp để trồng cao su. Nguồn gốc đất là

của cha mẹ ông M chia cho ông M. Nay bà có cùng nguyện vọng với ông M.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm 90/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 166, 167, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” đối với ông Phạm Văn M.

Buộc ông Phạm Văn M, bà Trần Thị M1 có nghĩa vụ phải trả cho ông Phạm Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 5.003,7m², thửa 502 và thửa 511, tờ bản đồ 52 (BĐ 2005), tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; có sơ đồ kèm theo.

Buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán giá trị 265 cây cao su là 106.000.000 đồng cho ông M, bà Mười.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn M yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 5.003,7m², thửa 502 và thửa 511, tờ bản đồ 52 (BĐ 2005), tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa 346, tờ bản đồ 51, diện tích 3.134,2m² và thửa 471, tờ bản đồ 52, diện tích 398,9m², tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

* *Nội dung kháng cáo:* bị đơn anh Phạm Văn Minh kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, chấp nhận yêu cầu phản tố của anh.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm:* nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- *Về nội dung:* không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn M. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: bà Trần Thị M1 đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét kháng cáo của ông Phạm Văn M thấy rằng: nguồn gốc đất đối với thửa đất 502 và 511 là của cha mẹ các bên đương sự là cụ

[2.1]. *Đối với thửa đất 502 tờ bản đồ 52 diện tích 2660,9 m² (cũ: thửa 3159, 3160 tờ 01) tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh:* ông M cho rằng thửa đất này trước đây cha mẹ ông chia cho bà Phạm Thị N1, do bà N1 ở xa nên giao ông T đứng tên. Khoảng năm 2000, bà N1 bệnh ung thư không có tiền trị bệnh, nên mẹ ông kêu chuyển nhượng thửa đất này lấy tiền để bà N1 trị bệnh nhưng không bán được vì là đất lúa, gần suối nên không ai mua. Do đó, cụ Đ mới lấy phần đất mặt tiền đã chia cho ông chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn Quân và giao cho ông thửa đất 502; ông đã quản lý sử dụng thửa đất này kể từ đó. Mặc dù, bà N1 và ông T không thừa nhận, nhưng qua xem xét, đối chiếu lời khai của các đương sự ông Phạm Văn Đ2, Phạm Văn Tránh, bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị Đ1, bà Phạm Thị B3 và anh Nguyễn Văn Quân với lời trình bày của ông M có cơ sở xác định: thửa đất 502, cụ G và cụ Đ chia cho bà N1, ông T chỉ kê khai và đứng tên GCNQSDĐ dùm cho bà N1; khi còn sống, cụ Đ đã lấy phần đất chia cho ông M (ông M đang sử dụng và cũng đã được cấp GCNQSDĐ), trực tiếp chuyển nhượng cho anh Quân để lấy tiền cho bà N1 trị bệnh và cụ Đ đã giao lại thửa đất 502 đã chia cho bà N1 giao lại cho ông M sử dụng. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ông T ngày 21-6-2021, ông T cũng xác nhận thửa đất 502 là của bà N1 nhưng do ông đứng tên GCNQSDĐ nên ông kiện đòi, sau khi kiện xong ông sẽ trả lại cho bà N1. Mặc dù ông T là người đứng tên GCNQSDĐ đối với thửa đất này nhưng thực tế ông T không sử dụng đất cũng không phải là chủ sử dụng đất; mà ông M là người trực tiếp sử dụng đất ổn định, lâu dài, là người có quyền sử dụng đất có căn cứ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 502 diện tích 2660,9 m² là tài sản của ông T đánh giá chứng cứ chưa toàn diện. Do đó, ông M yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 502 là phù hợp; kháng cáo của ông M đối với thửa đất này là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. *Đối với thửa đất 511 tờ bản đồ 52 diện tích 2342,8m² (cũ: thửa 3161, 3162 tờ 01) tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh:* ông T cho rằng đây là thửa đất cha mẹ ông đã chia cho ông và ông đã được UBND thị xã B cấp GCNQSDĐ cùng với các thửa đất được chia khác. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ông T ngày 03-3-2021, ngày 21-6-2021 (bức lục 42, 81) ông T trình bày do ông là con trai út, sống chung cùng cha mẹ, ở nhà che mẹ để thờ cúng ông bà nên nên được giao thửa đất này; đến năm 2005, ông M xin cúng giỗ ông nội nên ông đồng ý và tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cũng xác định do ông M cúng giỗ ông nội nên ông đã giao thửa đất 511 để ông M sử dụng cúng giỗ. Lời trình bày này của ông T phù hợp với lời khai của các anh chị em của ông. Tại biên bản lấy lời khai ông M ngày 20-6-2021, ông M cho rằng thửa đất 511 là đất hương hỏa mà

cô, chú là cụ Phạm Văn Bình (đã chết) và cụ Phạm Thị Chạy (đã chết) của ông giao cho ông sử dụng để cúng giỗ ông bà nội của ông. Do đó, thực tế ông M đang sử dụng thửa đất này để cúng giỗ ông, bà nhưng ông không có chứng cứ chứng minh ông được giao quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất này. Như vậy, có cơ sở xác định, thửa đất 511 là thửa đất của cụ G và cụ Đ không chia cho các con mà để sử dụng thờ cúng ông bà. Cho nên, mặc dù ông T là người đứng tên GCNQSDĐ nhưng cũng không phải là người được cụ G cụ Đ chia cho thửa đất này; ông M là người sử dụng đất nhưng cũng chỉ để thờ cúng ông bà, cũng không phải là người chiếm hữu hợp pháp pháp. Mà thửa đất 511 này là di sản của cụ G và cụ Đ chưa chia cho ai. Do đó, ông T khởi kiện đòi; ông M yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này đều không có căn cứ chấp nhận. Kháng cáo của ông M không có cơ sở. Đề nghị của Kiểm sát viên không được chấp nhận.

[3]. Án phí sơ thẩm: ông T, ông M mỗi người phải chịu 300.000 đồng do phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: do kháng cáo ông M được chấp nhận một phần, sửa bản án sơ thẩm nên ông M không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Văn M; sửa Bản án sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ vào các Điều 169, 203 Luật đất đai; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về yêu cầu ông Phạm Văn M trả phần đất diện tích 5.003,7m², thuộc các thửa 502 và thửa 511, tờ bản đồ 52 (cũ: tương ứng các thửa 3162, 3161, 3160, 3159, tờ bản đồ 01), tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn M: ông Phạm Văn M được quyền sử dụng phần đất diện tích 2660,9 m², thuộc thửa 502 tờ bản đồ 52, tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh. (có sơ đồ kèm theo);

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ quyết định của bản án này điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02727/QSDĐ/12 ngày 26/12/1994 đã cấp cho ông Phạm Văn T và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn M theo quy định.

3. Không chấp nhận một yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn M về yêu cầu công nhận được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 2342,8m², thuộc thửa 511 tờ bản đồ 01 (BĐ 299), tọa lạc tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với ông Phạm Văn M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa 346, tờ bản đồ 51, diện tích 3.134,2m² và thửa 471, tờ bản đồ 52, diện tích 398,9m², tọa lạc tại ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

5. Chi phí tố tụng: ghi nhận ông T phải chịu 5.000.000 đồng chi phí do đặc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ghi nhận ông T đã nộp đủ.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn M, bà Trần Thị M1 phải chịu chung 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông M đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026756 ngày 12/09/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Tây Ninh. Ông M, bà Mười đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp là 12.380.000 (Mười hai triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015142 ngày 22/02/2021 và số 0026685 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho ông T 12.080.000 (Mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả cho anh Minh 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0007546, ngày 25-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện ;
- CCTTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị An Tiên

